

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM TÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-ST

Ngày: 24/7/2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Phú Phước
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Nữ và bà Trần Thị Ngo
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân – Bình Thuận.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST-DS ngày 30/6/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu M, sinh năm: 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành L, sinh năm: 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Bà Thái Thị Kim T, sinh năm 1974(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện ngày 10/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thu M trình bày:***

Ngày 15/6/2018 tôi có cho ông Nguyễn Thành L vay 50.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và ông Lập hẹn đến ngày 21/6/2018 sẽ trả lại tiền cho tôi. Ông L đã nhận 50.000.000 đồng vào ngày 15/6/2018. Quá trình vay tiền ông L có trả cho tôi 6.500.000 đồng tiền lãi. Đến nay ông L vẫn chưa thanh toán tiền nợ gốc cũng như lãi cho tôi. Quá trình vay mượn tiền chỉ có một mình ông L đứng ra vay và ký giấy

mượn tiền, số tiền cũng không lớn nên tôi chỉ yêu cầu cá nhân ông L trả cho tôi số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật

Ông Nguyễn Thành L đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp tiếp cận, công khai, kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng ông Lập không có mặt nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:***

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông L phải trả cho bà Mỹ số tiền 50.000.000 đồng, và lãi suất theo quy định của pháp luật. Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án:* HĐXX thấy rằng đây là tranh chấp hợp vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

*Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[1]. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì ngày 15/6/2018, ông L có vay của bà M số tiền là 50.000.000đồng, không thỏa thuận lãi và hẹn ngày 21/6/2018 sẽ trả tiền. Đến hẹn ông L chưa trả tiền cho bà M nhưng có trả lãi với số tiền là 6.500.000 đồng. Trong quá trình giải quyết bà Mỹ yêu cầu ông Lập thanh toán tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án và cũng không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn thấy rằng: Tại giấy vay mượn tiền ngày 15/6/2018 thể hiện ông L có vay của bà Mỹ số tiền là 50.000.000đ, đây là chứng cứ hợp pháp và là căn cứ để xác định việc vay mượn tiền của các bên. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[2]. Đối với yêu cầu về lãi suất: Tại Giấy vay tiền ngày 15/6/2018 thể hiện hai bên không thỏa thuận lãi suất. Trong quá trình vay mượn ông L đã trả 6.500.000 đồng tiền lãi. Do đó HĐXX sẽ buộc ông Lập trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 21/6/2018 cho đến ngày xét xử và khấu trừ 6.500.000 đồng tiền lãi mà ông L đã trả trước là phù hợp

Như vậy, tiền lãi phải thanh toán là:  $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 763 \text{ ngày}/30 = 10.554.833 \text{ đồng}$ . Ông Lập đã thanh toán được 6.500.000 đồng tiền lãi nên cần buộc ông Lập phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi là 4.054.833 đồng.

[3]. Đối với việc yêu cầu một mình ông L có trách nhiệm trong việc thanh toán nợ mà không yêu cầu vợ ông L phải có nghĩa vụ thanh toán chung: HĐXX thấy rằng, tại giấy xác nhận nợ thì chỉ một mình ông L ký và theo lời trình bày của nguyên đơn thì khi vay tiền ông L là người vay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật cho bà M biết và bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu một mình ông Lập thanh toán và không thắc mắc hay khiếu nại gì về sau. Do đó buộc một mình ông L có trách nhiệm thanh toán số nợ trên là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho ông L nhưng ông L không có mặt để đưa ra các tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc ông L vắng mặt là từ bỏ quyền tham gia tố tụng và chứng minh, do đó lời đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân là có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH.

#### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu M.

Buộc ông Nguyễn Thành L phải thanh toán cho bà Lê Thị Thu M số tiền gốc là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) và 4.054.800 đồng (*Bốn triệu không trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm đồng*) tiền lãi.

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Thành L phải chịu 2.702.740 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Thu M 1.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0029081 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

4/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết.

5/ Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.